

Bản án số: 30/2017/HSST
Ngày 22/11/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Biện Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Phạm Thị Hà

2/ Bà Nguyễn Hải Âu

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 28/2017/HSST ngày 06 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo: Hồ Trúc L, sinh năm 1979; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp TT A, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: nội trợ; Trình độ văn hóa: 5/12; con ông: Hồ Văn T, sinh năm 1952 và bà Phạm Thị H, sinh năm 1952; con: 03 người; tiền án, tiền sự: không; bị cáo khởi tố cho tại ngoại đến nay (có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo L: Ông Trần Hoàng U là trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Người bị hại: Chị Nguyễn Thị Xuân T, sinh năm 1973 là chủ Doanh nghiệp tư nhân tiệm vàng Xuân T (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 333, khóm A, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp TTA, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau

- Người làm chứng: Anh Hồ Minh T, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm B, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau

NHẬN THẤY:

Bị cáo Hồ Trúc L bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 09 giờ ngày 18/6/2017 anh Hồ Minh T đến tiệm vàng Xuân T thuộc khóm A, thị trấn ĐD để chuộc vàng. Chị Nguyễn Thị Xuân T là chủ tiệm vàng lấy ra hai bao giấy đựng vàng cầm của anh T để lên bàn chuẩn bị giao cho anh T (trong đó có 01 bao giấy đựng 01 cái kiềng vàng 24k trọng lượng 10 chỉ và 01 bao giấy đựng 01 sợi dây chuyền vàng 18k trọng lượng 5,4 chỉ). Trong lúc anh T đang đếm tiền để giao

cho chị T thì có Hồ Trúc L đến tiệm vàng Xuân T để chuộc vàng. Khi vào tiệm vàng L đưa giấy cầm vàng cho chị T và kèm theo 200.000 đồng nói là chuộc vàng, vàng của L cầm là một chiếc nhẫn vàng 18k trọng lượng 1,3 phân. Do thiếu tiền nên anh T bước ra xe để lấy thêm tiền đưa cho chị T, khi anh T đi ra nhưng hai bao giấy đựng vàng vẫn còn để trên bàn thì L nảy sinh ý định lấy 01 bao giấy đựng vàng mà chị T chuẩn bị giao cho anh T nên L bước qua đứng ở vị trí anh T đứng trước đó. Chị T để bao giấy đựng vàng cầm của L lên bàn gần với hai bao giấy đựng vàng của anh T và nói với L đưa thêm 5000 đồng tiền lãi, L lấy 5000 đồng đưa cho chị T. Chị T vừa quay mặt vào trong thì L không lấy bao giấy đựng vàng mà chị T giao cho mình mà L lấy 01 bao giấy đựng vàng trên bàn mà chị T định giao cho anh T (bên trong là 01 sợi dây chuyền vàng 18k, trọng lượng 5,4 chỉ) bỏ vào túi áo khoác và đi vào bên trong tiệm nhìn vào tủ đựng vàng mục đích xem có ai phát hiện không nhưng L thấy không ai phát hiện và nói gì nên đi ra xe và đi đến chợ thị trấn ĐD mua khoai lang. L lấy bao giấy đựng vàng ra xem thì phát hiện bên trong có 01 sợi dây chuyền vàng 18k, L lấy tờ tiền Việt Nam mệnh giá 1000 đồng gói sợi dây chuyền lại bỏ vào cốp xe và điều khiển xe về nhà lấy sợi dây chuyền cất giấu dưới khạp trong nhà tắm của L. Sau đó cơ quan điều tra mời L về làm việc, L đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại kết luận định giá tài sản số 10/KL - ĐG ngày 26/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện ĐD kết luận: 01 dây chuyền vàng 18k, trọng lượng 5,4 chỉ x 2.310.000 đồng = 12.474.000 đồng, tiền công 300.000 đồng. Tổng cộng = 12.774.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 24/KSĐT-KT ngày 04/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi truy tố bị cáo Hồ Trúc L về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

** Tại phiên tòa:*

- Đại diện Viện kiểm sát giữ y quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo L từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét.

- Trợ giúp viên bào chữa cho bị cáo thống nhất nội dung luận tội và đề nghị của Đại diện viện kiểm sát cho bị cáo được hưởng án treo.

- Bị cáo L thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo. Bị cáo xin nhận lại 01 cái áo khoác, 01 bộ đồ thun và 01 khẩu trang.

- Đối với người bị hại chị Nguyễn Thị Xuân T có đơn xin vắng mặt và trình bày: Về trách nhiệm dân sự đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì. Về hình phạt chị T yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn H trình bày chiếc xe Honda Wave Alpha màu bạc, đen, xám biển số 69F1-174.xx do anh H đứng tên đăng ký xe. Ngày 18/6/2017 bị cáo lấy xe lưu thông khi đó anh đi làm nên không biết việc bị cáo sử dụng xe trộm cắp tài sản.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa và những người tham gia tố tụng.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, bị cáo Hồ Trúc L đã khai nhận hành vi đúng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố bị cáo. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa. Từ đó có căn cứ xác định: Vào khoảng 09 giờ 30 phút ngày 18/6/2017 tại tiệm vàng Xuân T thuộc khóm A, thị trấn ĐD trong quá trình giao dịch chuộc vàng giữa bị cáo và chị T, lợi dụng sự mất cảnh giác của chị T nên bị cáo Hồ Trúc L đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản và lén lút chiếm đoạt 01 bao giấy đựng vàng của chị T định giao cho anh T bên trong là 01 sợi dây chuyền 5,4 chỉ vàng 18k. Tổng giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt qua định giá bằng 12.774.000 đồng.

Xét thấy khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo L là người có đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì bản chất tham lam nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó có đủ yếu tố kết luận bị cáo Hồ Trúc L đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo.

Xét tính chất, mức độ hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến tài sản của chủ sở hữu một cách trái pháp luật với lỗi cố ý trực tiếp, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự xã hội ở địa phương. Do đó, cần phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi và hậu quả do bị cáo gây ra nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Bởi lẽ, bị cáo đã có các tình tiết giảm nhẹ như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; người bị hại có đơn xin bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm g, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Xét về nhân thân bị cáo không có tiền án, tiền sự; trong quá trình thường trú tại địa phương chấp hành tốt các chính sách, pháp luật của nhà nước và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú; bản thân bị cáo thuộc hộ nghèo, trình độ học vấn thấp do đó có phần hạn chế trong việc nhận thức pháp luật. Mặt khác, xét về cơ bản bị cáo có hành vi nhất thời phạm tội. Ngoài ra bị cáo L không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo với xã hội mà cần có một thời gian thử thách cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở thành người tốt có ích cho xã hội.

Từ những nhận định trên xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng như người bào chữa cho bị cáo về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và về hình phạt đối với bị cáo là phù hợp so với tính chất, mức độ hành vi phạm tội.

- Về trách nhiệm dân sự: Xét thấy, người bị hại là chị Xuân T đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về vật chứng: 01 cái áo khoác, 01 bộ đồ thun và 01 khẩu trang của bị cáo đã qua sử dụng bị cáo Ly có yêu cầu được nhận lại các tài sản trên để sử dụng. Xét thấy,

các vật chứng nêu trên là trang phục cá nhân của bị cáo và việc trả lại các tài sản nêu trên cho bị cáo không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án nên căn cứ Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự tuyên trả lại cho bị cáo là phù hợp.

Đối với 01 chiếc xe máy hiệu Honda Wave Alpha màu bạc, đen, xám biển số 69F1-174.xx anh Nguyễn Văn H đứng tên đăng ký xe. Xét thấy, khi bị cáo sử dụng xe để lưu thông cũng như thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của chị T thì anh H đều không biết nên không đặt ra xử lý đối với chiếc xe nêu trên là phù hợp.

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố: Bị cáo Hồ Trúc L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.
- Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Hồ Trúc L 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01(một) năm 06 (sáu) tháng được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 22/11/2017). Giao bị cáo Hồ Trúc L cho Ủy ban nhân dân xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

- Căn cứ Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự tuyên trả lại cho bị cáo Hồ Trúc L 01 cái áo khoác có màu tương tự màu vàng có hoa văn bên ngực phải áo, 01 bộ đồ thun có màu tương tự màu đỏ có nhiều hoa văn hình quạt trên quần áo, 01 khẩu trang màu đỏ có hoa văn hình màu trắng, tất cả đã qua sử dụng. (các vật chứng này Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐDM đang quản lý).

- Căn cứ Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Buộc bị cáo Hồ Trúc L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai. Báo cho bị cáo L, anh H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Công an huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau;
- Người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP; hồ sơ.

T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Biện Thị Nhung